

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

TERMIZE 200SC

1. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ THÔNG TIN NHÀ SẢN XUẤT

Thông tin sản phẩm

Tên thông thường **Khối lượng phân tử**

Imidacloprid 255.7

Tên hóa chất theo IUPAC

1-(6-chloro-3-pyridylmethyl)-N-nitroimidazolidin-2-ylideneamine

Họ hóa chất

Chloronicotinyl

Công thức phân tử

C₉H₁₀ClN₅O₂

Loại thuốc

Thuốc trừ mối

Thông tin nhà sản xuất

Tên và địa chỉ nhà sản xuất

IMASPRO RESOURCES SDN. BHD.

37, JALAN 5, KAWASAN 16

TAMAN INTAN

41300 KLANG

SELANGOR

MALAYSIA

Số điện thoại

+603-3343 1633

Số fax

+603-3343 1868

2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN THÀNH PHẦN

<u>Tên hóa chất</u>	<u>Số CAS</u>	<u>TLV-ACGIH</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Imidacloprid	138261-41-3	Không áp dụng	200 g/L
Chất trợ	Không nguy hiểm	-	Vừa đủ

3. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

Ngoại dạng:	Màu nâu vàng, dạng nhớt lỏng	Áp suất hơi:	Không phù hợp
Mùi đặc trưng:	Không mùi	Sự bay hơi:	Không bay hơi

Khả năng hòa tan:	Lơ lửng trong nước	Trọng lượng riêng:	1.10±0.10 (ở 20 ⁰ C)
Điểm sôi:	Không phù hợp	Điểm chớp:	Không dễ cháy

4. NHẬN DẠNG MỐI NGUY HIỂM

Có thể tự bốc cháy ở nhiệt độ cao.

Có hại nếu nuốt phải.

Tiếp xúc với chất dễ cháy có thể gây hỏa hoạn.

5. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Nếu hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thông thoáng.

Đưa đến cơ sở y tế gần nhất nếu xuất hiện tình trạng khó chịu, khó thở.

Nếu nuốt phải

Không gây ói.

Súc rửa miệng với nhiều nước.

Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Nếu dính mắt

Kiểm tra và tháo kính áp tròng (nếu có).

Rửa mắt dưới vòi nước ít nhất 15 phút, giữ cho mí mắt mở.

Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Nếu dính da

Cởi bỏ quần áo bị dính hóa chất.

Rửa bằng nước và xà phòng không có tính ăn mòn.

Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy

Các hóa chất khô, CO₂, phun nước dạng sương chỉ khi cần thiết.

Phương pháp chữa cháy

Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa bằng cách phun nước để tránh tích tụ áp suất, tự động bốc cháy hoặc nổ. Tránh xả vật liệu tràn vào cống, suối hoặc các vùng nước khác.

Thiết bị bảo hộ khi chữa cháy

Mang dụng cụ thở cá nhân và mặc quần áo bảo hộ để tránh tiếp xúc với da và mắt.

Có thể phát ra khí độc khi bị đốt nóng để phân hủy. Tránh hít phải hơi độc, tránh ở nơi ngược gió.

Các mối nguy về cháy nổ

7. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

Đối với cá nhân

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hút thuốc, đánh lửa hoặc đốt lửa ở khu vực nguy hiểm. Tránh xa khi không cần thiết. Sơ tán và không đi vào khu vực nguy hiểm. Mặc quần áo bảo hộ và các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Đối với môi trường

Đối với sự cố tràn lớn, làm ướt bằng nước và đắp đê để xử lý. Việc xử lý phải tuân theo các tiêu chuẩn áp dụng cho chất thải độc hại.

Phương pháp xử lý khi bị tràn và rò rỉ

Trong trường hợp rò rỉ hoặc tràn, làm sạch và trung hòa bằng dung dịch Natri hydroxide 5% và sau đó rửa với lượng lớn nước. Quét sạch vật liệu, đặt trong chai và giữ để xử lý.

8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

Thao tác**Các biện pháp bảo hộ đặc biệt**

Khi xử lý hóa chất, không ăn, uống hoặc hút thuốc. Rửa tay trước bữa ăn và sau khi làm việc với hóa chất.

Bảo quản**Độ nhạy với độ ẩm, ánh sáng và sự oxy hóa**

Ồn định ở điều kiện bình thường khi bảo quản trong thùng kín.

Các yêu cầu bảo quản đặc biệt

Tất cả các hóa chất phải được để xa tầm tay trẻ em, vật nuôi, gia súc. Lưu giữ ở nơi được khóa chặt, an toàn như trong tòa nhà hoặc phòng lưu trữ riêng biệt.

Điều kiện bảo quản

Lưu giữ ở khu vực thông gió tốt, ít biến động về nhiệt độ.

Thời hạn sử dụng

Ồn định ít nhất 2 năm khi bảo quản trong bao bì ban đầu ở nơi khô ráo, nhiệt độ trung bình hàng năm không quá 25⁰C.

Vật liệu đóng gói được đề nghị

Các vật chứa được Liên Hợp Quốc phê duyệt.

Các vật liệu cần tránh

Tránh tiếp xúc với vật liệu có tính axit và kiềm mạnh.

9. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm

RfD	0.057 mg/kg/day
LEL	16.9 mg/kg/day
ADI	0.057 mg/kg b.w.

Bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt	Đeo kính an toàn hóa chất hoặc kính bảo hộ.
Bảo vệ da	Mặc quần áo bảo hộ phù hợp, đồng phục, tấm chắn, găng tay PVC.
Bảo vệ hô hấp	Mang mặt nạ phòng độc nửa mặt phù hợp để tránh các hơi hữu cơ.

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Các điều kiện cần tránh	Nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn đánh lửa khác.
Các vật liệu cần tránh	Các tác nhân oxy hóa, kiềm và axit mạnh.
Các sản phẩm phân hủy	Có thể phát ra khí độc hại khi phân hủy bằng nhiệt
Phản ứng trùng hợp nguy hiểm	Chưa ghi nhận.

11. THÔNG TIN ĐỘC ĐỘC

Những dữ liệu độc tính sau đây là của thành phẩm,

LD ₅₀ qua miệng (ở chuột):	> 2000 mg/kg b.w.
LD ₅₀ qua da (ở thỏ):	> 5000 mg/kg b.w.

Sự kích ứng

Kích ứng mắt:	Không kích ứng đối với mắt thỏ
Kích ứng da:	Không kích ứng đối với da thỏ

Khả năng dị ứng

Dị ứng da:	Không gây dị ứng da đối với Chuột lang
------------	--

12. THÔNG TIN SINH THÁI HỌC

Sự biến động và tích lũy sinh học	Có thể hòa lẫn với nước Khả năng tích lũy sinh học trong nước thấp
--	---

Sự phân hủy sinh học Suy giảm bởi hoạt động của vi sinh vật.

Độc tính với sinh vật

LC ₅₀ đối với cá	237 mg/L (Golden orfe)
LC ₅₀ Daphnia Magna	85 g/L (48 giờ)
LC ₅₀ Japanese Quail	31 mg/kg
LC ₅₀ Bobwhite Quail	152 mg/kg
LD ₅₀ Honey Bee	39.0 µg

13. THÔNG TIN THẢI BỎ

Xử lý chất thải phải tuân theo luật pháp của địa phương hoặc quốc gia.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Số UN	3082
Loại hàng nguy hiểm	9
Nhóm đóng gói	III
Tên gọi vận chuyển theo UN	Chất độc hại với môi trường, chất lỏng, ...

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Đề xuất phân loại	Có hại
Cụm nguy cơ	R22-Có hại nếu nuốt phải
Cụm an toàn	S 02-13

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Phiếu an toàn hóa chất này tóm tắt những hiểu biết của chúng tôi về thông tin mối nguy về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và cách thao tác, sử dụng sản phẩm an toàn tại nơi làm việc. Mỗi người dùng phải xem lại thông tin này để áp dụng trong từng hoàn cảnh cụ thể. IMASPRO RESOURCES SDN. BHD. sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại nào do việc sử dụng hoặc phụ thuộc vào các thông tin này.
